

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI
HEM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 95 /2021/CV-HEM
V/v: Giải trình biến động
Lợi nhuận sau thuế năm 2020
so với năm 2019.

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2021

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- Tên tổ chức: Công ty cổ phần chế tạo điện cơ Hà Nội (HEM).
- Mã chứng khoán: HEM
- Địa chỉ: Km12 đường Cầu Diễn, P.Phúc Diễn, Q.Bắc Từ Liêm, TP.Hà Nội
- Điện thoại liên hệ: 0437655510 Fax: 0437655509
- E-mail: taichinhketoanhem@gmail.com

Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế trên báo cáo riêng và hợp nhất năm 2020:

1) Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ ghi nhận lợi nhuận sau thuế năm 2020 giảm trên 10% so với năm 2019, chủ yếu do các nguyên nhân sau:

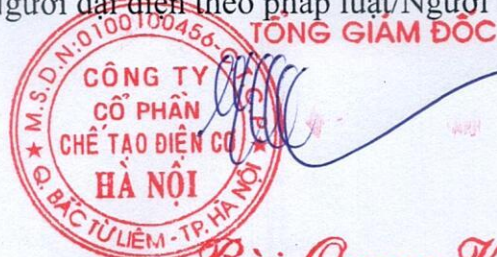
Năm 2020, hoạt động SXKD của HEM gặp khó khăn do tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp ảnh hưởng đến nhu cầu của thị trường. Trong năm, HEM thực hiện cơ cấu lại các dòng sản phẩm, trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Thêm vào đó, lợi nhuận được chia từ Công ty liên kết là Công ty TNHH SAS-CTAMAD giảm 75% so với năm 2019.

2) Chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 giảm trên 10% so với năm 2019: Nguyên nhân chủ yếu do sự suy giảm lợi nhuận của Công ty mẹ như đã trình bày ở trên và ảnh hưởng nghiêm trọng của dịch COVID-19 đến hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ khách sạn và văn phòng cho thuê của Công ty liên kết Công ty TNHH SAS-CTAMAD.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT



Bùi Quang Vinh

Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 38

Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội (“Công ty”) tiền thân là Nhà máy Chế tạo Điện cơ được thành lập ngày 15 tháng 1 năm 1961. Sau đó, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1531/QĐ-BCT ngày 25 tháng 3 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công thương, và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0100100456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 3 tháng 7 năm 2009. Công ty cũng được cấp các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi sau này, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 8 cấp vào ngày 11 tháng 4 năm 2019.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại bao gồm thiết kế, chế tạo, lắp đặt và kinh doanh các loại động cơ điện, máy phát điện, máy bơm, máy biến áp, hệ thống tủ điện, thiết bị cao áp và hạ áp dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng; cho thuê tài sản.

Công ty có trụ sở chính tại Km12, Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Trọng Trung	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 4 tháng 9 năm 2020
Ông Phan Ngọc Thảo	Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 20 tháng 1 năm 2020
Ông Bùi Quang Vinh	Thành viên	
Ông Phạm Tuấn Anh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 20 tháng 1 năm 2020
Ông Lê Thành Lương	Thành viên	miễn nhiệm ngày 3 tháng 9 năm 2020

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Quang Vinh	Tổng Giám đốc	
Ông Hà Tiến Lực	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 15 tháng 9 năm 2020
Ông Bùi Quốc Bảo	Giám đốc sản xuất	miễn nhiệm ngày 15 tháng 9 năm 2020
Ông Nguyễn Nam Sơn	Giám đốc sản xuất	bổ nhiệm ngày 15 tháng 9 năm 2020
Ông Nguyễn Kỳ Nam	Giám đốc kỹ thuật	bổ nhiệm ngày 15 tháng 9 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Thanh Yến	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty tại ngày lập báo cáo này là Ông Bùi Quang Vinh.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đang trình bày trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 ("báo cáo tài chính hợp nhất").

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Bùi Quang Vinh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 23 tháng 3 năm 2021

Số tham chiếu: 61441291/21949938

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội (“Công ty”) được lập ngày 23 tháng 3 năm 2021 và được trình bày từ trang 5 đến trang 38, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Thị Tuyết Mai
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1575-2018-004-1



Nguyễn Mạnh Hùng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2401-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2020

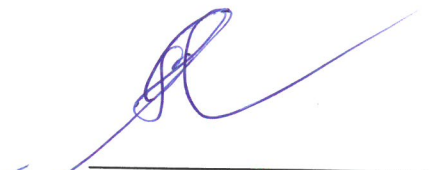
Đơn vị tính: VND


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		374.320.812.817	635.358.906.917
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	71.666.042.362	68.906.815.841
111	1. Tiền		6.666.042.362	9.406.815.841
112	2. Các khoản tương đương tiền		65.000.000.000	59.500.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	6	28.170.000.000	207.000.000.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh	6.1	28.000.000.000	207.000.000.000
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		170.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130.944.490.259	218.589.168.554
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.1	265.316.203.004	300.036.154.302
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.2	4.440.206.996	6.346.754.053
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	8.667.734.138	58.824.916.691
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7.1	(147.479.653.879)	(146.618.656.492)
140	IV. Hàng tồn kho	10	141.174.856.826	139.939.059.247
141	1. Hàng tồn kho		151.142.867.092	140.001.148.736
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(9.968.010.266)	(62.089.489)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.365.423.370	923.863.275
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	1.480.300.474	129.655.917
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	794.207.358
153	3. Thuế và các khoản phải thu		885.122.896	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		317.283.181.280	302.712.384.342
220	I. Tài sản cố định		71.507.394.424	100.527.357.852
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	70.600.989.424	99.982.937.566
222	Nguyên giá		158.351.609.251	202.822.646.807
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(87.750.619.827)	(102.839.709.241)
227	2. Tài sản cố định vô hình		906.405.000	544.420.286
228	Nguyên giá		1.935.278.464	1.286.081.111
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.028.873.464)	(741.660.825)
230	II. Bất động sản đầu tư		-	-
231	1. Nguyên giá		2.374.201.599	2.374.201.599
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(2.374.201.599)	(2.374.201.599)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		1.249.771.600	719.965.250
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.249.771.600	719.965.250
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	12	237.915.298.115	197.869.298.115
251	1. Đầu tư vào công ty con		58.073.103.006	18.027.103.006
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		179.842.195.109	179.842.195.109
260	V. Tài sản dài hạn khác		6.610.717.141	3.595.763.125
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	4.629.532.986	3.595.763.125
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	29.3	1.981.184.155	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		691.603.994.097	938.071.291.259

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2020


Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		180.823.980.224	388.235.126.056
310	I. Nợ ngắn hạn		179.490.383.543	384.170.583.166
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14.1	36.395.825.579	51.861.589.816
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14.2	11.532.719.439	3.607.525.753
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	2.454.510.899	63.885.362
314	4. Phải trả người lao động		8.883.424.717	8.612.218.889
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	1.116.445.950	7.494.862.590
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	2.695.351.233	2.701.629.681
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	110.974.014.332	305.566.245.429
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	19	2.650.946.209	2.771.884.924
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	2.787.145.185	1.490.740.722
330	II. Nợ dài hạn		1.333.596.681	4.064.542.890
337	1. Phải trả dài hạn khác		423.300.000	503.300.000
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	19	910.296.681	3.561.242.890
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		510.780.013.873	549.836.165.203
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	506.043.855.499	544.188.673.501
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		387.046.500.000	387.046.500.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		387.046.500.000	387.046.500.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		11.770.960.945	11.770.960.945
415	3. Cổ phiếu quỹ		(1.589.412.600)	(1.589.412.600)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		6.200.042.131	6.200.042.131
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		102.615.765.023	140.760.583.025
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		82.117.112.525	58.766.341.404
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		20.498.652.498	81.994.241.621
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		4.736.158.374	5.647.491.702
432	1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		4.736.158.374	5.647.491.702
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		691.603.994.097	938.071.291.259


Ngô Văn Hải
Người lập


Nguyễn Thị Thanh Yến
Kế toán trưởng





Bùi Quang Vinh
Tổng Giám đốc


Ngày 23 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	452.849.552.459	447.110.019.393
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	(2.379.539.689)	(299.513.610)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	450.470.012.770	446.810.505.783
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	(396.168.787.789)	(369.726.970.621)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		54.301.224.981	77.083.535.162
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	24.635.033.957	90.335.739.578
22 23	7. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	25	(12.732.257.786) (10.950.128.419)	(25.553.462.365) (24.357.784.555)
25	8. Chi phí bán hàng	26	(16.268.598.152)	(20.255.318.978)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(25.621.009.992)	(33.796.431.214)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		24.314.393.008	87.814.062.183
31	11. Thu nhập khác	27	1.199.168.076	234.840.854
32	12. Chi phí khác	27	(3.169.933.758)	(563.691.653)
40	13. Lỗ khác	27	(1.970.765.682)	(328.850.799)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		22.343.627.326	87.485.211.384
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	(3.826.158.983)	(5.190.969.763)
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	29.1	1.981.184.155	(300.000.000)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		20.498.652.498	81.994.241.621


Ngô Văn Hải
Người lập


Nguyễn Thị Thanh Yến
Kế toán trưởng




Bùi Quang Vinh
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

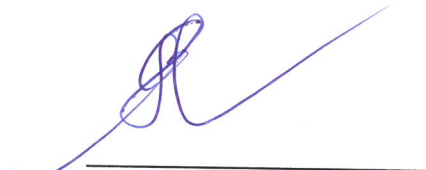
Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		22.343.627.326	87.485.211.384
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		12.574.601.767	13.044.399.589
03	Các khoản dự phòng		7.995.033.240	1.644.385.113
04	Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		13.710.380	(47.701.131)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(22.842.040.505)	(90.512.010.874)
06	Chi phí lãi vay	25	10.950.128.419	24.357.784.555
08	Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		31.035.060.627	35.972.068.636
09	Giảm các khoản phải thu		74.497.909.866	29.687.895.406
10	Tăng hàng tồn kho		(11.141.718.356)	(28.499.902.512)
11	Giảm các khoản phải trả		(3.160.523.171)	(17.291.927.218)
12	Giảm chi phí trả trước		(2.384.414.418)	1.156.995.406
13	Giảm/(tăng) chứng khoán kinh doanh		179.000.000.000	(198.000.000.000)
14	Tiền lãi vay đã trả		(17.445.319.026)	(18.185.566.772)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(4.736.706.931)	(8.978.879.388)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.966.116.763	1.790.399.966
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.479.849.000)	(3.912.565.100)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		246.150.556.354	(206.261.481.576)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(3.912.430.743)	(11.077.412.081)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		5.909.826.000	230.116.726
23	Tiền chi cho vay, mua lại các công cụ nợ của đơn vị khác		(170.000.000)	-
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	24.686.883.277
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(26.864.884.200)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	23.904.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		34.231.369.793	84.683.932.107
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		9.193.880.850	122.427.520.029

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

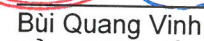
Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		262.862.891.744	490.526.697.783
34	Tiền trả nợ gốc vay		(457.582.345.060)	(310.070.968.040)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	21.3	(57.863.731.200)	(57.695.223.525)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động tài chính		(252.583.184.516)	122.760.506.218
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		2.761.252.688	38.926.544.671
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	5	68.906.815.841	29.932.570.039
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(2.026.167)	47.701.131
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	71.666.042.362	68.906.815.841


Ngô Văn Hải
Người lập


Nguyễn Thị Thanh Yên
Kê toán trưởng




Bùi Quang Vinh
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội (“Công ty”) tiền thân là Nhà máy Chế tạo Điện cơ được thành lập ngày 15 tháng 1 năm 1961. Sau đó, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1531/QĐ-BCT ngày 25 tháng 3 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công thương, và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0100100456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 3 tháng 7 năm 2009. Công ty cũng được cấp các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi sau này, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 8 cấp vào ngày 11 tháng 4 năm 2019.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty bao gồm thiết kế, chế tạo, lắp đặt và kinh doanh các loại động cơ điện, máy phát điện, máy bơm, máy biến áp, hệ thống tủ điện, thiết bị cao áp và hạ áp dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng; cho thuê tài sản.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Km12, Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 285 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 313 người).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty sở hữu trực tiếp 2 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2019 : 1 công ty con) với thông tin cụ thể như sau:

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính trong năm</i>
1	Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội (“Công ty Hecô”)	100%	100%	Lô J12 (ABC), đường số 10, KCN Lê Minh Xuân, xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm ngành điện
2	Công ty TNHH Sản xuất Thiết bị lưới điện G-POWER (“Công ty G-POWER”)	100%	100%	Km12 – đường Cầu Diễn, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm ngành điện

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 12. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC – Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa	-	chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán riêng. Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 45 năm
Máy móc, thiết bị	7 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 12 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 6 năm
Phần mềm máy tính	3 - 6 năm
Bản quyền, bằng sáng chế	3 - 6 năm

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:

- ▶ Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định; và
- ▶ Các chi phí khác.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các khoản dự phòng

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Dự phòng bảo hành

Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa là dự phòng chi phí cho những sản phẩm, hàng hóa đã bán, đã bàn giao cho người mua nhưng doanh nghiệp vẫn có nghĩa vụ phải tiếp tục sửa chữa, hoàn thiện theo hợp đồng hoặc cam kết với khách hàng. Công ty trích 1% dự phòng bảo hành sản phẩm trên doanh thu sản phẩm bán ra trong kỳ.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.14 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Phân chia lợi nhuận (tiếp theo)

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, thưởng cho những cá nhân và đơn vị bên ngoài có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh của Công ty theo quy chế tài chính của Công ty và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận dựa trên mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định dựa theo khối lượng dịch vụ đã được thực hiện.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng vốn

Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng vốn được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn phần vốn chuyển nhượng. Thu nhập này được ghi nhận vào ngày phát sinh giao dịch, tức là khi hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.18 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất các sản phẩm và cung cấp các dịch vụ liên quan đến thiết bị điện. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. NGHIỆP VỤ MUA BÁN, SÁP NHẬP CÔNG TY CON TRONG NĂM

4.1 Mua thêm sở hữu vào Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội (“Công ty Heco”)

Vào ngày 29 tháng 6 năm 2020, Công ty đã mua thêm 2.340 cổ phiếu, tương ứng với 0,18% cổ phần của Công ty Heco, tăng tỷ lệ sở hữu từ 99,82% lên 100%, với tổng giá phí là 46 triệu VND.

4.2 Góp vốn thành lập Công ty TNHH Sản xuất Thiết bị Lưới điện G-POWER (“Công ty G-POWER”)

Vào ngày 14 tháng 2 năm 2020, Công ty đã thành lập Công ty G-POWER với tỷ lệ sở hữu là 100%. Đến tháng 4 năm 2020, Công ty đã góp đủ vốn bằng tiền và tài sản cố định với tổng giá trị là 40.000.000.000 VND.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	364.045.799	316.695.156
Tiền gửi ngân hàng	6.301.996.563	9.090.120.685
Các khoản tương đương tiền (*)	65.000.000.000	59.500.000.000
TỔNG CỘNG	71.666.042.362	68.906.815.841

(*) Đây là các khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại, có kỳ hạn dưới 3 tháng và hưởng lãi suất 3% - 3,4%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 5,5%/năm).

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

6.1 Chứng khoán kinh doanh

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>			<i>Số đầu năm</i>		
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ (*)</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Dự phòng</i>
Trái phiếu (i)	28.000.000.000	28.000.000.000	-	207.000.000.000	207.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	28.000.000.000	28.000.000.000	-	207.000.000.000	207.000.000.000	-

(i) Chi tiết trái phiếu như sau:

<i>Tổ chức phát hành</i>	<i>Giá đầu tư (VND)</i>	<i>Ngày đáo hạn</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch và Môi trường ECO&MORE	28.000.000.000	21 tháng 6 năm 2021	Kỳ hạn 3 năm, lãi nhận 6 tháng một lần, đáo hạn ngày 21 tháng 6 năm 2021	Lãi suất thả nổi 9,1%/1 năm	Trái phiếu này được đảm bảo bằng cổ phiếu, tài sản cố định nắm giữ bởi các tổ chức phát hành hoặc các bên thứ ba

(*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản trái phiếu do trái phiếu của công ty này không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

7.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu từ khách hàng	210.561.323.145	244.988.468.664
- Công ty Cổ phần Kim loại màu Ngọc Sơn	106.288.046.487	106.283.046.487
- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	104.273.276.658	138.705.422.177
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	<u>54.754.879.859</u>	<u>55.047.685.638</u>
TỔNG CỘNG	<u>265.316.203.004</u>	<u>300.036.154.302</u>
Dự phòng phải thu khó đòi	(141.796.184.555)	(140.935.187.168)

7.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Cơ khí Nam Chi	2.654.731.750	427.466.050
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Truyền thống Trống đồng	638.372.520	-
Shaaxi JC Engineering and Trading Co., Ltd	-	1.997.306.532
Khác	<u>1.147.102.726</u>	<u>3.921.981.471</u>
TỔNG CỘNG	<u>4.440.206.996</u>	<u>6.346.754.053</u>

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
Phải thu lãi tiền gửi, lãi trái phiếu	76.789.041	-	9.709.372.603	-
Phải thu Xí nghiệp Tư nhân đức Hải Đăng	3.027.114.324	(3.027.114.324)	3.027.114.324	(3.027.114.324)
Tạm ứng cổ tức	2.656.355.000	(2.656.355.000)	2.656.355.000	(2.656.355.000)
Tạm ứng cho nhân viên	1.094.231.800	-	894.240.213	-
Ký cược, ký quỹ	46.727.096	-	16.723.638	-
Khác	1.766.516.877	-	1.699.193.106	-
Phải thu ngắn hạn khác từ bên liên quan (Thuyết minh số 30)	-	-	<u>40.821.917.807</u>	-
TỔNG CỘNG	<u>8.667.734.138</u>	<u>(5.683.469.324)</u>	<u>58.824.916.691</u>	<u>(5.683.469.324)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. NỢ XẤU

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Kim loại màu Ngọc Sơn	106.288.046.487	-	106.288.046.487	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Việt	15.759.439.543	-	15.759.439.543	-
Công ty TNHH Vật liệu điện Thiên Phong	14.095.503.040	-	14.095.503.040	-
Xí nghiệp tư nhân Đức Hải Đăng	3.027.114.324	-	3.027.114.324	-
Xí nghiệp Cơ khí Quang Trung	1.441.487.879	-	1.441.487.879	-
Khác	7.790.102.568	922.039.962	6.057.207.794	2.783.037.584
TỔNG CỘNG	148.401.693.841	922.039.962	146.668.799.067	2.783.037.584

10. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	54.610.832.668	(62.089.489)	62.064.860.209	(62.089.489)
Công cụ, dụng cụ	654.775.169	-	997.641.493	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	56.082.347.098	(5.085.538.788)	39.924.948.969	-
Thành phẩm	30.086.211.700	-	19.784.942.382	-
Hàng hoá	9.708.700.457	(4.820.381.989)	17.228.755.683	-
TỔNG CỘNG	151.142.867.092	(9.968.010.266)	140.001.148.736	(62.089.489)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	62.089.489	62.089.489
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	9.905.920.777	-
Trừ: Sử dụng dự phòng trong năm	-	-
Số cuối năm	<u>9.968.010.266</u>	<u>62.089.489</u>

Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá:	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND
Số đầu năm	63.520.008.332	119.400.305.384	18.587.316.701	1.315.016.390	202.822.646.807
- Mua trong năm	-	929.700.000	2.579.416.481	35.707.103	3.544.823.584
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	559.400.000	65.700.000	-	180.000.000	805.100.000
- Góp vốn thành lập công ty con	-	(33.258.766.380)	-	-	(33.258.766.380)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(12.747.396.657)	(2.655.965.758)	(158.832.345)	(15.562.194.760)
Số cuối năm	64.079.408.332	74.389.542.347	18.510.767.424	1.371.891.148	158.351.609.251
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	20.316.010.483	32.437.525.088	9.912.505.641	1.315.016.390	63.981.057.602
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	28.644.959.265	60.281.042.582	12.598.691.004	1.315.016.390	102.839.709.241
- Khấu hao trong năm	3.658.529.932	8.047.309.083	1.481.043.168	29.380.472	13.216.262.655
- Góp vốn thành lập công ty con	-	(21.064.173.255)	-	-	(21.064.173.255)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(4.498.820.943)	(2.583.525.526)	(158.832.345)	(7.241.178.814)
Số cuối năm	32.303.489.197	42.765.357.467	11.496.208.646	1.185.564.517	87.750.619.827
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	34.875.049.067	59.119.262.802	5.988.625.697	-	99.982.937.566
Số cuối năm	31.775.919.135	31.624.184.880	7.014.558.778	186.326.631	70.600.989.424

Một số tài sản cố định hữu hình là nhà cửa, vật kiến trúc đã được thế chấp cho các khoản vay của Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 18. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, giá trị còn lại của các tài sản đảm bảo này là 16.785.778.817 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 17.545.044.939 VND).

Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm			Số đầu năm			Đơn vị tính: VND	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc		Dự phòng
Đầu tư vào công ty con		58.073.103.006			18.027.103.006			
Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội	100%	18.073.103.006	-		99,82%	18.027.103.006	-	
Công ty TNHH Sản xuất Thiết bị Lưới điện G-POWER (**)	100%	40.000.000.000	-		-	-	-	
Đầu tư vào công ty liên kết (*)		179.842.195.109			179.842.195.109			
Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD (***)	35,00%	179.842.195.109	-		35,00%	179.842.195.109	-	
TỔNG CỘNG		237.915.298.115			197.869.298.115			

(*) Công ty không thể xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do cổ phiếu của các công ty này không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

(**) Vào ngày 14 tháng 2 năm 2020, Công ty đã thành lập Công ty G-POWER với tỷ lệ sở hữu là 100%. Đến tháng 4 năm 2020, Công ty đã góp đủ vốn bằng tiền và tài sản cố định với tổng giá trị là 40.000.000.000 VND (Thuyết minh số 4);

(***) Thông tin chi tiết về công ty liên kết này tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD là một công ty được thành lập tại Việt Nam theo Luật Đầu tư Nước ngoài theo Giấy phép Đầu tư số 1018/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp vào ngày 25 tháng 10 năm 1994 và Giấy phép Đầu tư điều chỉnh số 1018/GCNĐC3-BKH ngày 23 tháng 8 năm 2006. Công ty này có trụ sở chính tại số 44B, đường Lý Thường Kiệt, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty này là kinh doanh khách sạn và cho thuê văn phòng; vận hành máy trò chơi điện tử có thưởng trong khuôn viên khách sạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	727.222.223	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	753.078.251	129.655.917
TỔNG CỘNG	<u>1.480.300.474</u>	<u>129.655.917</u>
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.309.217.374	2.526.698.376
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	2.320.315.612	1.069.064.749
TỔNG CỘNG	<u>4.629.532.986</u>	<u>3.595.763.125</u>

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

14.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Phải trả người bán ngắn hạn	12.805.311.697	12.805.311.697	24.805.282.151	24.805.282.151
- Công ty TNHH Thiết bị Điện và Cơ khí Xian Qiyuan	1.541.796.700	1.541.796.700	-	-
- Công ty TNHH đầu tư Phúc Hưng Phát	-	-	3.828.948.200	3.828.948.200
- Phải trả các đối tượng khác	11.263.514.997	11.263.514.997	20.976.333.951	20.976.333.951
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	23.590.513.882	23.590.513.882	27.056.307.665	27.056.307.665
TỔNG CỘNG	<u>36.395.825.579</u>	<u>36.395.825.579</u>	<u>51.861.589.816</u>	<u>51.861.589.816</u>

14.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty TNHH Động cơ điện Việt Nam - Hungary	3.897.162.695	-
Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Điện cơ Hà Nội	3.330.235.953	-
Công ty TNHH Zenbi	2.885.896.119	783.130.464
Công ty TNHH Thương mại Điện cơ Minh Khâm	-	412.338.572
Các đối tượng khác	1.419.424.672	2.412.056.717
TỔNG CỘNG	<u>11.532.719.439</u>	<u>3.607.525.753</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số phải thu trong năm	Số đã thu trong năm	Số cuối năm
Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	885.122.896	-	885.122.896
TỔNG CỘNG	-	885.122.896	-	885.122.896
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	15.277.605.609	(12.854.053.593)	2.423.552.016
Thuế thu nhập doanh nghiệp	25.425.052	3.826.158.983	(3.851.584.035)	-
Thuế thu nhập cá nhân	38.460.310	1.398.048.143	(1.405.549.570)	30.958.883
Tiền thuê đất	-	7.628.020.878	(7.628.020.878)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	59.387.538	(59.387.538)	-
TỔNG CỘNG	63.885.362	28.189.221.151	(25.798.595.614)	2.454.510.899

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	233.719.610	6.728.910.217
Chi phí phải trả khác	882.726.340	765.952.373
TỔNG CỘNG	1.116.445.950	7.494.862.590

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả Nhà nước kinh phí thực hiện Dự án sản phẩm động cơ	2.041.203.100	2.041.203.100
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	366.546.748	365.758.939
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	164.132.675	204.335.375
Các khoản phải trả khác	123.468.710	90.332.267
TỔNG CỘNG	2.695.351.233	2.701.629.681

Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

Thuyết minh	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn						
Vay ngân hàng	102.220.467.648	102.220.467.648	244.112.928.744	(242.623.722.060)	103.709.674.332	103.709.674.332
Trái phiếu phát hành	199.872.777.781	199.872.777.781	127.222.219	(200.000.000.000)	-	-
Vay từ đối tượng khác	3.473.000.000	3.473.000.000	18.749.963.000	(14.958.623.000)	7.264.340.000	7.264.340.000
TỔNG CỘNG	305.566.245.429	305.566.245.429	262.990.113.963	(457.582.345.060)	110.974.014.332	110.974.014.332

18.1 Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn bằng VND được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Hà Nội	65.617.898.505	Kỳ hạn vay 6 tháng. Cuối cùng đáo hạn ngày 7 tháng 6 năm 2021	5,1% - 6,2%	Tài sản cố định: nhà máy, nhà xưởng theo Biên bản định giá lại tài sản đảm bảo số 02/2018-BBĐGL/NHCT146-DIENCO ngày 1 tháng 7 năm 2018
Ngân hàng CTBC Bank – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	20.484.617.244	Kỳ hạn vay 6 tháng. Cuối cùng đáo hạn ngày 25 tháng 5 năm 2021	5% - 5,85%	Tín chấp
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	17.607.158.583	Kỳ hạn vay 6 tháng. Cuối cùng đáo hạn ngày 21 tháng 6 năm 2021	4,4% - 4,8%	Tín chấp
TỔNG CỘNG	103.709.674.332			

Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY NGẮN HẠN (tiếp theo)

18.2 Các khoản vay ngắn hạn từ đối tượng khác

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ đối tượng khác bằng VND được trình bày như sau:

<i>Đối tượng vay</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Cán bộ công nhân viên Công ty	6.964.340.000	Kỳ hạn lớn hơn 1 tháng, rút gốc linh hoạt	5,5% - 8%	Tin chấp
Công đoàn HEM	300.000.000	Kỳ hạn lớn hơn 1 tháng, rút gốc linh hoạt	5,5%	Tin chấp
TỔNG CỘNG	<u>7.264.340.000</u>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Dự phòng chi phí bảo hành	2.650.946.209	2.771.884.924
TỔNG CỘNG	2.650.946.209	2.771.884.924
Dài hạn		
Dự phòng chi phí bảo hành	910.296.681	3.561.242.890
TỔNG CỘNG	910.296.681	3.561.242.890

Dự phòng bảo hành được trích lập dựa trên các sản phẩm mà Công ty sản xuất và bán ra trong các năm theo điều khoản hợp đồng và thời gian bảo hành cam kết với khách hàng (từ 5 tháng đến 6 năm).

20. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	1.490.740.722	2.923.727.156
Trích quỹ trong năm	819.942.000	700.000.000
Nhận quỹ khen thưởng phúc lợi từ công ty liên kết (*)	1.948.756.763	1.681.065.666
Khác	18.376.000	109.334.300
Sử dụng trong năm	(1.490.670.300)	(3.923.386.400)
Số cuối năm	2.787.145.185	1.490.740.722

(*) Theo thỏa thuận trong Hợp đồng Liên doanh giữa Công ty và Công ty TNHH S.A.S – CTAMAD ký ngày 23 tháng 6 năm 1994, quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty sẽ nhận được 1% lợi nhuận sau thuế của Công ty TNHH S.A.S – CTAMAD.

Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng	Đơn vị tính: VND
Năm trước							
Số đầu năm	368.000.000.000	152.595.945	(1.589.412.600)	6.200.042.131	117.289.869.904	490.053.095.380	
- Tăng vốn do hoán đổi cổ phiếu	19.046.500.000	11.618.365.000	-	-	-	30.664.865.000	
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	81.994.241.621	81.994.241.621	
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(57.823.528.500)	(57.823.528.500)	
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(700.000.000)	(700.000.000)	
Số cuối năm	387.046.500.000	11.770.960.945	(1.589.412.600)	6.200.042.131	140.760.583.025	544.188.673.501	
Năm nay							
Số đầu năm	387.046.500.000	11.770.960.945	(1.589.412.600)	6.200.042.131	140.760.583.025	544.188.673.501	
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	20.498.652.498	20.498.652.498	
- Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	(57.823.528.500)	(57.823.528.500)	
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	(819.942.000)	(819.942.000)	
Số cuối năm	387.046.500.000	11.770.960.945	(1.589.412.600)	6.200.042.131	102.615.765.023	506.043.855.499	

(*) Theo nội dung phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 02/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020, Công ty đã thực hiện chia cổ tức cho các cổ đông với số tiền 57.823.528.500 VND và trích lập bổ sung quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền 819.942.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Gelex	296.849.160.000	296.849.160.000	-	296.849.160.000	296.849.160.000	-
Cổ đồng khác	88.641.030.000	88.641.030.000	-	88.641.030.000	88.641.030.000	-
Cổ phiếu quỹ	1.556.310.000	1.556.310.000	-	1.556.310.000	1.556.310.000	-
TỔNG CỘNG	387.046.500.000	387.046.500.000	-	387.046.500.000	387.046.500.000	-

21.3 Cổ tức

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã công bố và đã trả trong năm		
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>		
Cổ tức trả bằng tiền cho năm 2018: 1.500 VND/cổ phiếu (năm 2017: 1.000 VND/cổ phiếu)	-	57.823.528.500
Cổ tức trả bằng tiền cho năm 2019: 1.500 VND/cổ phiếu (năm 2018: 1.000 VND/cổ phiếu)	57.823.528.500	-
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	-	-

21.4 Cổ phiếu

	Số lượng	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đăng ký phát hành	38.704.650	38.704.650
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	38.704.650	38.704.650
Cổ phiếu phổ thông	38.704.650	38.704.650
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu quỹ	155.631	155.631
Cổ phiếu phổ thông	155.631	155.631
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	38.549.019	38.549.019
Cổ phiếu phổ thông	38.549.019	38.549.019
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 10.000 VND).
Cổ phiếu của Công ty được niêm yết Sàn Giao dịch Chứng khoán Upcom với mã chứng khoán là HEM.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	1.022,08	18.573,85

23. DOANH THU

23.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng doanh thu	452.849.552.459	447.110.019.393
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	162.496.630.701	171.805.938.833
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	209.047.936.798	185.683.416.012
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	81.304.984.960	89.620.664.548
Hàng bán bị trả lại	(2.379.539.689)	(299.513.610)
Doanh thu thuần	450.470.012.770	446.810.505.783
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với bên khác	316.209.436.664	370.447.529.608
Doanh thu đối với bên liên quan <i>(Thuyết minh số 30)</i>	134.260.576.106	76.362.976.175

23.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.962.114.619	2.875.889.546
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	6.536.671.612	17.430.139.822
Cổ tức, lợi nhuận được chia	16.100.000.000	64.400.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	36.247.726	53.845.430
Khác	-	5.575.864.780
TỔNG CỘNG	24.635.033.957	90.335.739.578

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	130.289.411.094	136.640.686.453
Giá vốn của hàng hóa đã bán	199.064.547.814	177.607.033.012
Giá vốn của dịch vụ cung cấp	56.908.908.104	55.479.251.156
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	9.905.920.777	-
TỔNG CỘNG	396.168.787.789	369.726.970.621

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu	10.950.128.419	24.357.784.555
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	1.268.088.653	616.648.261
Lỗi chênh lệch tỷ giá	308.666.421	6.778.601
Khác	205.374.293	572.250.948
TỔNG CỘNG	<u>12.732.257.786</u>	<u>25.553.462.365</u>

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân công	6.047.870.020	6.586.876.185
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	636.014.873	1.018.506.285
Chi phí khấu hao tài sản cố định	302.913.651	286.549.770
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.775.182.584	8.096.042.656
Chi phí bán hàng khác	4.923.314.211	4.472.210.960
Hoàn nhập dự phòng bảo hành	(2.416.697.187)	(204.866.878)
TỔNG CỘNG	<u>16.268.598.152</u>	<u>20.255.318.978</u>
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân công	11.184.892.975	15.023.586.972
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.382.059.503	2.086.452.857
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.234.565.132	2.173.718.543
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	860.997.387	2.560.546.027
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.014.229.756	3.926.760.179
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	5.944.265.239	8.025.366.636
TỔNG CỘNG	<u>25.621.009.992</u>	<u>33.796.431.214</u>

27. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập khác		
Lãi từ thanh lý tài sản, công cụ dụng cụ	210.689.798	230.116.726
Thu nhập do đánh giá lại tài sản góp vốn	988.478.278	4.724.128
	<u>1.199.168.076</u>	<u>234.840.854</u>
Chi phí khác		
Lỗi từ thanh lý tài sản cố định	2.953.958.199	-
Các khoản phạt	214.761.225	552.901.930
Các khoản khác	1.214.334	10.789.723
	<u>3.169.933.758</u>	<u>563.691.653</u>
LỖ KHÁC THUẦN	<u>(1.970.765.682)</u>	<u>(328.850.799)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28 CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	156.973.023.630	138.571.783.616
Chi phí nhân công	50.862.647.753	56.598.882.946
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.574.601.767	13.044.399.589
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.052.197.580	17.301.896.881
Chi phí khác	28.404.771.817	17.852.670.288
TỔNG CỘNG	<u>264.867.242.547</u>	<u>243.369.633.320</u>

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

29.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành (Thu nhập)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	3.826.158.983 (1.981.184.155)	5.190.969.763 300.000.000
TỔNG CỘNG	<u>1.844.974.828</u>	<u>5.490.969.763</u>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	22.343.627.326	87.485.211.384
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	4.468.725.465	17.497.042.276
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Các khoản phạt	6.910.382	112.738.331
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(3.220.000.000)	(12.880.000.000)
Lỗi lũy kế chuyển sang sau khi sáp nhập VIHEM	-	(732.850.782)
Chi phí không được khấu trừ khác	589.338.981	1.494.039.938
Chi phí thuế TNDN	<u>1.844.974.828</u>	<u>5.490.969.763</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

29.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

Đơn vị tính: VND

	<u>Bảng cân đối kế toán riêng</u>		<u>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</u>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.981.184.155	-	1.981.184.155	(300.000.000)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần	<u>1.981.184.155</u>	<u>-</u>		
Thu nhập/(chi phí) thuế hoãn lại tính vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng			<u>1.981.184.155</u>	<u>(300.000.000)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	Công ty mẹ cấp I	Nhận lại tiền ký quỹ	40.000.000.000	-
		Chia cổ tức	-	54.073.148.100
		Mua vật tư, hàng hóa	24.884.225.010	49.547.758.784
		Ký cược, ký quỹ	-	40.000.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Gelex	Công ty mẹ	Mua vật tư, hàng hóa	25.553.218.353	6.358.414.002
		Chi trả cổ tức	44.527.374.000	44.527.374.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	Cùng Tập đoàn	Mua vật tư, hàng hóa	15.354.795.953	65.988.075.974
		Doanh thu bán hàng hóa	8.631.806.812	22.813.511.798
		Bù trừ công nợ	4.750.746.880	16.525.817.085
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.215.967.902	5.853.531.535
		Mua dịch vụ	166.921.412	2.833.581.732
Công ty Cổ phần Thiết bị Đo điện EMIC	Cùng Tập đoàn	Doanh thu bán hàng hóa	55.189.030.959	80.230.000
Công ty Cổ phần Hạ tầng Gelex (trước đây là Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng GELEX)	Cùng Tập đoàn	Thu tiền bán trái phiếu	179.000.000.000	-
		Thanh toán tiền mua trái phiếu	19.239.281.820	-
		Thu lãi bán trái phiếu	1.820.136.981	-
Công ty Cổ phần Điện Cơ Hà Nội	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm, vật tư	7.284.226.419	2.347.540.101
		Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ	2.371.566.400	1.348.962.700
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	352.750.000	297.170.000
Công ty TNHH Sản xuất Thiết bị Lưới điện G-POWER	Công ty con	Mua hàng hóa, dịch vụ	11.178.648.712	-
		Doanh thu bán thành phẩm, vật tư	9.615.527.375	-
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.702.775.112	-
Công ty TNHH S.A.S – CTAMAD	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	16.100.000.000	64.400.000.000
		Thu Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.948.756.763	1.681.065.666
Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương	Cùng thành viên HĐQT	Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	49.420.411.891	38.773.185.356
		Bù trừ công nợ	1.001.461.857	1.407.506.272
		Mua vật tư, hàng hóa	918.692.416	1.279.551.156
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	848.079.636	5.253.673.083

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty mua và bán hàng hóa, dịch vụ với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu và phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 không cần bảo đảm, không có lãi suất (ngoại trừ các khoản cho vay) và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty do các khoản này còn trong hạn thanh toán (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i> (Thuyết minh số 7.1)				
Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương	Cùng thành viên HĐQT	Bán hàng hóa, dịch vụ	46.043.604.488	51.558.885.338
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa, dịch vụ	6.745.597.314	1.973.636.701
Công ty Cổ phần Điện Cơ Hà Nội	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ	1.827.876.513	1.515.163.599
Công ty TNHH Sản xuất Thiết bị lưới điện G-POWER	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ	137.801.544	-
TỔNG CỘNG			54.754.879.859	55.047.685.638
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i> (Thuyết minh số 14.1)				
Công ty TNHH Sản xuất Thiết bị lưới điện G-POWER	Công ty con	Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ	9.272.498.988	-
Công ty TNHH Thiết bị Điện GELEX	Công ty mẹ	Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ	7.522.516.742	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	Cùng Tập đoàn	Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ	4.872.344.400	14.181.002.306
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	Công ty mẹ cấp I	Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ	1.923.153.752	12.873.000.639
Công ty TNHH Thiết bị Đo điện EMIC	Cùng Tập đoàn	Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ	-	2.304.720
TỔNG CỘNG			23.590.513.882	27.056.307.665

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

Tên	Chức vụ	Đơn vị tính: VND	
		Thu nhập	
		Năm nay	Năm trước
Ông Bùi Quang Vinh	Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT	1.183.735.000	1.087.951.700
Bà Nguyễn Thị Thanh Yên	Giám đốc tài chính	703.971.600	678.357.980
Ông Hà Tiến Lực	Phó Tổng Giám đốc	668.709.600	644.486.720
Ông Nguyễn Kỳ Nam	Giám đốc kỹ thuật (bổ nhiệm từ tháng 9 năm 2020)	489.328.936	-
Ông Bùi Quốc Bảo	Giám đốc sản xuất (miễn nhiệm từ tháng 9 năm 2020)	472.276.545	443.862.000
Ông Nguyễn Nam Sơn	Giám đốc sản xuất (bổ nhiệm từ tháng 9 năm 2020)	458.215.800	-
Ông Phạm Tuấn Anh	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm từ tháng 1 năm 2020)	158.500.000	-
Ông Lê Thành Lương	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm từ tháng 9 năm 2020)	92.500.000	96.400.000
Ông Nguyễn Trọng Trung	Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm từ tháng 9 năm 2020)	61.000.000	-
Ông Phan Ngọc Thảo	Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm từ tháng 1 năm 2020)	15.000.000	144.600.000
Ông Hà Đình Minh	Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm từ tháng 4 năm 2019)	-	308.555.638
Ông Đoàn Văn Quý	Phó Tổng Giám đốc, thành viên HĐQT (miễn nhiệm từ tháng 3 năm 2019)	-	222.886.850
Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm từ tháng 3 năm 2019)	-	30.000.000
TỔNG CỘNG		<u>4.303.237.481</u>	<u>3.657.100.888</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. CÁC CAM KẾT

Cam kết cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê nhà xưởng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	1.400.000.000	4.447.500.000
Từ 1 – 5 năm	-	9.522.500.000
TỔNG CỘNG	<u>1.400.000.000</u>	<u>13.970.000.000</u>

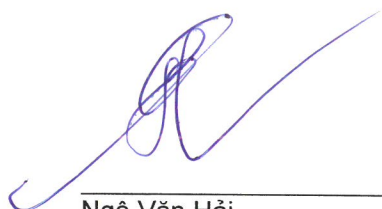
Cam kết về thuê hoạt động

Công ty thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, cam kết về tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai của Công ty theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	10.708.142.069	10.708.142.069
Từ 1 – 5 năm	42.832.568.276	42.832.568.276
Trên 5 năm	116.659.989.150	127.397.468.595
TỔNG CỘNG	<u>170.200.699.495</u>	<u>180.938.178.940</u>

32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

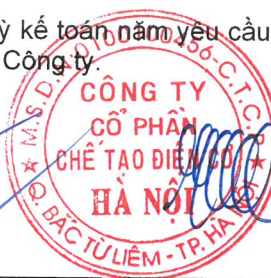
Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Ngô Văn Hải
Người lập



Nguyễn Thị Thanh Yên
Kế toán trưởng




Bùi Quang Vinh
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2021